

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀI NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189 /2020/ DS -ST

Ngày 25 - 9 - 2020

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Á
2. Bà Lê Thị Kim Hồng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXX ST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 408 /2020/QĐST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự;

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị H , sinh năm 1968

Trú tại: Khu phố H , phường X, thị xã N, tỉnh B.

***2. Bị đơn:*** Anh Trương Bảo B, sinh năm 1996

Trú tại: Khu phố D, phường Đ, thị xã N, tỉnh B.

( Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 20/11/2017(âm lịch) bà Lê Thị H cho anh Trương Bảo B mượn số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền, anh B có viết, ký vào giấy mượn tiền, anh B hứa khi nào bà H cần thì sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà H nhưng đến nay mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều

lần nhưng anh B vẫn cố tình không trả. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Bảo B trả cho bà số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Về phía bị đơn anh Trương Bảo B: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ theo quy của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự ;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trương Bảo B phải trả cho bà Lê Thị H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Bảo B phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, thị xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Bảo B nhưng tại phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã N tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Bảo B.

[2] Về nội dung: Ngày 20/11/2017( âm lịch) bà Lê Thị H và anh Trương Bảo B có giao kết hợp đồng dân sự cụ thể bà H cho anh B vay số tiền 10.000.000đ(mười triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền, anh Trương Bảo B ký tại thời điểm ngày 20/11/2017 (âm lịch) nội dung của hợp đồng hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền. Do anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh Trương Bảo B trả cho bà số tiền 10.000.000đồng, bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền vay. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét buộc anh Trương Bảo B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H 10.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho bà H ( ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc anh Trương Bảo B trả cho bà Lê Thị H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Bảo B phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0009767 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (nay là thị xã N).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Bích**





